

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2022
“Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Hai;

2. Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 228B/3, ấp L 1, xã L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số 213, ấp B, xã Hòa L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 228B/3, ấp L 1, xã L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có mặt; anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Tr được mai mối tìm hiểu quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 07/7/2014. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó, vì quan hệ

giữa chị M và em anh Tr không được tốt nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Anh Tr thường chửi mắng chị M vô cớ. Đầu năm 2020, vợ chồng đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Tr thường xuyên uống rượu, không lo làm việc mặc dù chị M đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Vợ chồng không liên lạc từ giữa năm 2020 đến nay. Nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trúc L, sinh ngày 03/10/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/3/2015, hiện 02 con chung đang sống với anh Tr và mẹ ruột anh Tr. Khi ly hôn, chị M đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trúc L, sinh ngày 03/10/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/3/2015 cho anh Tr nuôi dưỡng. Chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn Tr, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Tr để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn Tr vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Tr theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Sau thời gian được mai mối tìm hiểu, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Tr được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2014 tại UBND xã L, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Tr đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong nhiều vấn đề của cuộc sống vợ chồng, vì quan hệ giữa chị M và em anh Tr không được tốt nên anh Tr thường chửi mắng chị M vô cớ. Đầu năm 2020, vợ chồng đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Tr thường xuyên uống rượu, không lo làm việc mặc dù chị M đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Tr vẫn không thay đổi. Từ giữa năm 2020, anh Tr về sinh sống tại ấp L 1, xã L, huyện Lai V còn chị M làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Tr về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M, các thông báo và triệu tập để hòa giải, giải quyết vụ án nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, chứng tỏ anh Tr không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Tr có 02 con chung tên Nguyễn Trúc L, sinh ngày 03/10/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/3/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy chị M và anh Tr đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu Trúc L và cháu Minh K đã có cuộc sống ổn định với anh Tr cùng mẹ ruột anh Tr và các cháu được chăm sóc tốt, phát triển về mọi mặt. Chị M đồng ý giao 02 con chung cho anh Tr tiếp tục trực tiếp nuôi để 02 cháu có cuộc sống ổn định và phát triển tốt nhất về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt của các cháu. Vì vậy, giao cháu Trúc L và Minh K cho anh Tr được trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trúc L và Minh K. Anh Tr không tham gia phiên tòa và không gửi văn bản ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trúc L, sinh ngày 03/10/2012 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 29/3/2015 cho anh Nguyễn Văn Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn Tr cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trúc L và Nguyễn Minh K. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014645 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (chị M đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/01/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai V;
- Chi cục THADS huyện Lai V;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Phụng**